

# NƯỚC MỸ TRƯỚC THÁI ĐỘ CỦA BẮC TRIỀU TIÊN VÀ IRAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH HẠT NHÂN

Đỗ Trọng Quang

## Trường hợp Bắc Triều Tiên

Ngày 9/10/2006, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên thí nghiệm một thiết bị hạt nhân, nhiều nhà quan sát bi quan vì biện pháp ngoại giao đã không giải quyết được vấn đề vũ khí hủy diệt hàng loạt. Những người theo đường lối cứng rắn ở Hoa Kỳ nghĩ rằng, cuộc thí nghiệm chứng tỏ Bắc Triều Tiên quyết tâm thực hiện chương trình vũ khí, trong khi một số khác cho là Bình Nhưỡng phát triển kế hoạch hạt nhân vì Mỹ không có thiện ý trong thương lượng. Người Mỹ đã mưu toan dùng sức ép cô lập hóa và trừng phạt nước này về kinh tế, hoặc có thể tấn công bằng quân sự. Chính phủ Mỹ, dưới ba đời tổng thống là George H. W. Bush (tức Bush cha), Bill Clinton, và George W. Bush, không chịu nhân nhượng Bình Nhưỡng và không tôn trọng cam kết, khiến Bắc Triều Tiên nhanh chóng tìm kiếm vũ khí hạt nhân và tên lửa tầm xa để trả miếng. Kinh nghiệm rút ra từ quá trình thương lượng giữa Washington với Bình Nhưỡng cho thấy, hễ khi nào Mỹ thỏa mãn yêu cầu của đối phương, thì Bắc Triều Tiên sẵn sàng đáp lại. Ví dụ như tháng 9/1991, Bình Nhưỡng ký một hiệp ước phi hạt nhân hóa với Seoul và một thỏa thuận với Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc Tế (IAEA) sau khi Tổng thống George H. W. Bush

thông báo rút tất cả vũ khí hạt nhân Mỹ khỏi Nam Triều Tiên.

Bắc Triều Tiên cũng tự kiểm chế phần nào về tên lửa. Năm 1993, Chính phủ Bình Nhưỡng chuẩn bị đàm phán với Israel, sẵn sàng ngừng xuất khẩu tên lửa sang Trung Đông đổi lấy việc Israel công nhận CHDCND Triều Tiên đầy đủ về ngoại giao, đầu tư, và trợ giúp kỹ thuật. Trái lại, lúc Washington tìm cách gây sức ép thay cho đường lối ngoại giao có đi có lại, hoặc không thực hiện cam kết, thì Bình Nhưỡng liền trả đũa. Tháng 3/1993, sau khi Mỹ hủy bỏ cuộc thương lượng về tên lửa, Bắc Triều Tiên bèn cho thí nghiệm lần đầu tiên tên lửa tầm trung Rodong, và tháng 5/1994, lúc chính quyền Clinton không muốn tiếp tục đàm phán ở cấp cao và đe dọa trừng phạt, thì Bắc Triều Tiên đột ngột tháo dỡ nhiên liệu phế thải từ lò phản ứng hạt nhân để tái chế, suýt gây ra chiến tranh.

Xung đột không xảy ra là nhờ nỗ lực ngoại giao của cựu Tổng thống Jimmy Carter, hai bên trở lại bàn đàm phán. Phải mất bốn tháng mới ký được Hiệp định khung tháng 10/1994, Mỹ thỏa thuận viện trợ năng lượng cho Bình Nhưỡng đổi lấy việc Bắc Triều Tiên đình chỉ hoạt động về vũ khí hạt nhân. Washington đạt được điều mong muốn là Bắc Triều Tiên chấm dứt chương trình sản xuất *plutonium*.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau khi Hiệp định khung được ký kết, đảng Cộng hòa Mỹ kiểm soát được cả hai viện của Quốc hội, tố cáo cuộc thỏa thuận là sự nhượng bộ. Tổng thống Clinton chẳng những không đấu tranh với phe Cộng hòa, mà còn ngăn ngại thực hiện hiệp ước. Washington đã cam kết cung cấp cho Bình Nhưỡng hai nhà máy điện hạt nhân vào năm 2003, nhưng vật liệu xây dựng không được mang đến đúng hẹn. Dầu nặng được cung cấp theo thỏa thuận, nhưng ít khi đúng kế hoạch. Trước hết, Washington không giữ lời hứa ghi trong điều II của Hiệp định khung là, “tiến tới bình thường hóa đầy đủ quan hệ chính trị và kinh tế”, tức là chấm dứt sự thù địch và nói lỏng trừng phạt.

Năm 1998, Bình Nhưỡng lần đầu tiên thí nghiệm tên lửa Taepodong tầm xa hơn và mua máy ly tâm của Pakistan để làm giàu uranium, lúc Washington chậm trễ thi hành các điều khoản của hiệp ước. Nhưng khi Chính quyền Mỹ nối lại đàm phán năm 1999, thì Bình Nhưỡng hoãn việc tiếp tục thử tên lửa, dự định thôi chế tạo và triển khai tên lửa tầm xa. Lúc chính phủ của Tổng thống George W. Bush gọi Bắc Triều Tiên là nước nằm trong “trục ma quỷ”, đe dọa đánh đòn phủ đầu và thay đổi chế độ chính trị của nước này, thì Bình Nhưỡng triển khai lại chương trình làm giàu uranium. Bắc Triều Tiên chuẩn bị xử lý lại các thanh nhiên liệu hạt nhân, đuổi thanh sát viên Liên hợp quốc, và rút khỏi Hiệp ước Không phổ biến Vũ khí hạt nhân.

Cuối cùng do sức ép của Nhật Bản và Nam Triều Tiên, Chính phủ Mỹ giảm nhẹ nguyên tắc và tiếp tục lại cuộc thương lượng sáu bên (gồm Nam và Bắc Triều Tiên, Nhật Bản, Nga,

Trung Quốc, Hoa Kỳ), kết quả là một tuyên bố chung được công bố ngày 19/9/2005 với việc Bình Nhưỡng cam kết từ bỏ “mọi vũ khí và chương trình vũ khí hạt nhân”. Nhưng đáng lẽ chờ xem Bắc Triều Tiên có thực sự thi hành cam kết không, thì Chính phủ Mỹ đã vội vã rút khỏi hiệp ước, tuy lúc đó, họ thỏa thuận “bàn bạc vào một thời điểm thích hợp vấn đề lò phản ứng nước nhẹ”, những lò phản ứng mà Mỹ hứa từ năm 1994 nhưng chưa bao giờ cung cấp.

Ngoại trưởng Condoleezza Rice nói rằng Mỹ sẽ thực hiện cam kết của mình, nhưng Bắc Triều Tiên phải từ bỏ vũ khí trước: “Khi nào có thể xác minh người Bắc Triều Tiên đã hủy bỏ vũ khí hạt nhân cùng các chương trình hạt nhân khác, và thực sự phi hạt nhân... thì tôi nghĩ chúng ta có thể bàn bất cứ điều gì khác”. Chính phủ Mỹ cũng hứa “tiến hành những bước đi phối hợp để thực hiện hiệp ước từng giai đoạn, phù hợp với nguyên tắc cam kết đối lấy cam kết và hành động đối lấy hành động”.

Bắc Triều Tiên lập tức phản ứng, người phát ngôn Bộ Ngoại giao tuyên bố: “Cơ sở tìm một giải pháp cho vấn đề hạt nhân giữa CHDCND Triều Tiên với Hoa Kỳ là phải xóa bỏ sự ngờ vực được tạo nên trong lịch sử giữa hai nước, và công việc chuẩn bị vật chất để xây dựng lòng tin của hai bên không gì khác việc Hoa Kỳ cung cấp lò phản ứng nước nhẹ”. Ông nói thêm: “Hoa Kỳ chớ nên mơ tưởng đến vấn đề CHDCND Triều Tiên phá bỏ công cụ răn đe hạt nhân của mình, trước khi Hoa Kỳ cung cấp lò phản ứng nước nhẹ, một bảo đảm vật chất để xây dựng lòng tin”.

Tháng 9/2006, Chính phủ Mỹ tuyên bố “không có ý định tấn công hay xâm lược Bắc Triều Tiên bằng vũ khí hạt

nhân hay thông thường”, cam kết tôn trọng chủ quyền và từ bỏ việc thay đổi chế độ của nước đó, nhưng vẫn nhắc lại rằng “mọi cách lựa chọn còn đang được bàn bạc”. Ngoài ra, Chính phủ Mỹ ép các ngân hàng nước ngoài phong tỏa tài khoản ngoại tệ của Bắc Triều Tiên.

Phản ứng lại hành động được coi là mưu toan mới nhằm thay đổi chế độ của mình, người Bắc Triều Tiên cho thủ bẫy tên lửa, kể cả Taepodong-2, vào tháng 7/2006. Động thái đó của Bắc Triều Tiên chẳng những không làm Hoa Kỳ thay đổi ý kiến, mà còn khiến đồng minh thân cận nhất là Trung Quốc bất bình, bỏ phiếu phản kháng ở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Tuy thế, Chính phủ Bình Nhưỡng vẫn chuẩn bị thí nghiệm hạt nhân, họ có thể chống lệnh trừng phạt của Liên hợp quốc bằng cách lấy từ lò phản ứng rồi tái chế một lượng *plutonium* đủ để chế tạo hai quả bom. Gần đây, người Bắc Triều Tiên không đóng cửa lò phản ứng hạt nhân như đã cam kết, mặc dầu Hoa Kỳ đồng ý từ bỏ việc phong tỏa tài khoản của họ ở Macao.

### Thái độ của Iran

Iran cũng quan tâm đến vũ khí hạt nhân. Muốn duy trì chương trình hạt nhân, Iran phải hy sinh khá lớn, nhưng nhiều người không chắc nước đó sẵn sàng hy sinh tất cả. Bởi thế, thuyết phục Iran từ bỏ kế hoạch là điều không dễ dàng, nhưng chẳng phải không thực hiện được. Tiếc thay, các sự kiện xảy ra trong mùa hè vừa rồi đã làm cho lập trường của những người theo đường lối cứng rắn, kể cả Tổng thống Mahmoud Ahmadinejad, càng thêm cứng rắn. Cuộc chiến tranh ở Lebanon giữa Israel và lực lượng Hezbollah do Iran ủng hộ không kết thúc bằng thắng lợi của Israel, cộng

với sự sa lầy của Hoa Kỳ tại Iraq, khiến giới lãnh đạo Iran có vẻ tin rằng Mỹ không dám tấn công mình.

Những người cứng rắn ở Tehran nghĩ rằng mình có thể sử dụng một chiến lược hung hăng hơn ở khu vực, nâng cao vị thế nước mình mà vẫn giữ vững được lập trường tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về chương trình hạt nhân. Trung Quốc và Nga có vẻ không muốn trừng phạt Iran như đầu mùa hè, càng làm phái cứng rắn suy nghĩ theo chiều hướng này. Ngoài ra, chế độ Tehran tuyên truyền với dân chúng rằng chương trình hạt nhân của mình chỉ nhằm mục đích hòa bình, Liên hợp quốc ngăn cản chương trình đó chẳng qua chỉ để thực hiện âm mưu của Anh và Mỹ, không cho Iran có chỗ đứng xứng đáng trên trường quốc tế. Vì thế, không chắc Iran chịu thỏa hiệp lúc này.

Người Iran rất tự hào về quá khứ lịch sử, họ coi mình là kẻ thừa hưởng một nền văn minh tồn tại từ 2.500 năm đã sản sinh ra siêu cường đầu tiên, đế chế Ba Tư của Cyrus đại đế, của các vua Darius và Xerxes. Chỉ gần đây, cường quốc Persia (Ba Tư) mới bị sức mạnh của châu Âu và Mỹ lấn át trong khu vực. Rất nhiều người Iran tin rằng lịch sử, kinh nghiệm, và tài nguyên thiên nhiên ủy thác cho họ giữ vai trò một trong các đại cường quốc của thế giới và một sức mạnh vượt trội ở Tây-Nam Á và vịnh Persia.

Niềm tự tôn mạnh thêm từ năm 1978, lúc Cách mạng Hồi giáo làm nhiều người Iran nghĩ rằng dân tộc mình được định mệnh giao cho vai trò đứng đầu khu vực. Mặc dầu dân Iran nói chung đã chán ngấy Cách mạng Hồi giáo, nhưng chẳng ít người vẫn tin rằng cuộc cách mạng là dấu hiệu cho thấy Iran sẽ làm bá chủ trong khu vực về văn hóa, ngoại giao, và quân sự.

Lòng tự hào về dân tộc Ba Tư hình như là động lực thúc đẩy Iran theo đuổi chương trình hạt nhân, thứ vũ khí sẽ giúp nước này có một vị thế mà chỉ một vài quốc gia giành được, buộc các dân tộc khác chú ý nhiều hơn đến khát vọng của người Iran. Ta thấy họ có nhiều lý do để chế tạo thứ vũ khí đó. *Thứ nhất là* Iran cần có khí cụ rắn đe ở một môi trường không ổn định, giữa các láng giềng ít thân thiện. Các nhà lãnh đạo nước này chỉ cần ngó qua biên giới cũng thấy nhiều nguy cơ tiềm tàng. Quân đội Mỹ đóng dọc biên giới, nội chiến tiếp diễn ở Iraq và Afghanistan, nước Pakistan có vũ khí hạt nhân, Israel ở cách đây không xa.

Thêm vào đó, Tehran có quan hệ căng thẳng với nhiều lân bang, thậm chí những quốc gia giữ quan hệ tốt với Iran cũng ngờ vực nước này. Theo cách nhìn của Iran, sở hữu vũ khí hạt nhân trước hết nhằm mục đích phòng thủ, vì tuy vũ khí này không thể giải quyết tất cả các vấn đề an ninh, nhưng khiến những vấn đề khác được thương lượng thuận lợi. Bài học rút từ trường hợp Bắc Triều Tiên và Iraq khiến người Iran hiểu rằng, nếu không có vũ khí hạt nhân thì chẳng thể rắn đe hành động quân sự của Hoa Kỳ. Người Mỹ không tấn công Bắc Triều Tiên và buộc phải đàm phán với nước đó, vì e Bình Nhưỡng có vũ khí hạt nhân. Nước Iraq của Saddam Hussein không có vũ khí hạt nhân, thế là Hoa Kỳ tấn công nước này để lật đổ chế độ của đảng Baath. Giới lãnh đạo ở Tehran rút ra kết luận là: nếu anh có vũ khí hạt nhân, Hoa Kỳ sẽ không dùng sức mạnh chống anh, nhưng nếu anh không có, thì anh dễ bị tổn thương.

Một hình mẫu mà người Iran muốn noi theo gần đây là Ấn Độ. Vì đã phát triển vũ khí hạt nhân nên nước đó

hiện nay trở thành một cường quốc lớn, có những quan điểm được cộng đồng quốc tế coi trọng. Vị thế được nâng cao của Ấn Độ là điều người Iran ao ước, sánh được với Ấn Độ trong lĩnh vực hạt nhân là sự cần thiết hiển nhiên đối với Iran.

*Lý do thứ hai* để một số người cứng rắn ở Iran tìm kiếm vũ khí hạt nhân là, Giáo chủ Ruhollah Khomeini lúc sinh thời muốn xuất khẩu cách mạng Hồi giáo. Suốt những năm 1980 và những năm đầu 1990, Iran cố gắng thực hiện ước mơ này bằng cách giúp các phân tử "cách mạng" lật đổ những chính phủ Trung Đông bị coi là phản động. Mục tiêu đó phần nào thúc đẩy nỗ lực của Iran ở Iraq, Kuwait, Saudi Arabia, Bahrein, thậm chí ở Lebanon. Hành động của Iran vấp phải sự chống trả của Hoa Kỳ ở Saudi Arabia, đẩy lên cuộc tranh luận tại Washington là liệu có nên trả đũa Iran bằng quân sự không. Ở Lebanon, hành động đó phần nào là cơ sở để Hoa Kỳ can thiệp.

Đối với một số người Iran, xuất khẩu cách mạng gắn liền với tiến hành chiến tranh chống Hoa Kỳ, do đó họ càng có động cơ tìm kiếm vũ khí hạt nhân. Theo quan điểm của những người đó, thì nước họ không phải chỉ đối mặt với cuộc tấn công dai dẳng của Hoa Kỳ, mà còn phải đương đầu với việc người Mỹ chống đối nỗ lực xuất khẩu cách mạng. Họ tiếp tục nhìn thế giới theo cách miêu tả của Khomeini, tức là một cuộc chiến đang diễn ra giữa lực lượng của cái thiện, mà tiêu biểu là Iran, với lực lượng của cái ác, do nước Mỹ đại diện. Iran phải có sức mạnh để đẩy lui ảnh hưởng của Mỹ khỏi khu vực, không để nước Mỹ ngăn cản Iran thi hành bốn phạm mà định mệnh giao phó. Theo người Iran,

thì hai nhiệm vụ song song - xuất khẩu cách mạng và đánh Mỹ - đòi hỏi phải có vũ khí hạt nhân. Đó là cách duy nhất để loại trừ hành động quân sự của Mỹ trong cuộc chiến không cân sức giữa hai bên.

Rõ ràng người Iran có nhiều động cơ chiến lược, tư tưởng và tâm lý để tìm kiếm vũ khí hạt nhân càng sớm càng tốt. Tuy vậy, sẽ là sai lầm nếu lẫn lộn động cơ với quyết tâm. Lịch sử 60 năm qua chứng minh rằng nhiều quốc gia khác, cũng có nhu cầu chiến lược và lý do tư tưởng để tìm kiếm vũ khí hạt nhân, cuối cùng đã từ bỏ chương trình của mình. Nhật Bản, Italia, Thụy Điển, Australia, Hàn Quốc từng trù tính chế tạo vũ khí hạt nhân, người Italia và Australia đã tiến xa theo hướng này, nhưng tất cả đều thấy thứ vũ khí đó sẽ phản tác dụng so với những ưu tiên khác cao hơn, và nghĩ rằng họ có thể tìm cách khác để giải quyết vấn đề an ninh.

Trong những năm 1960, Ai Cập muốn có vũ khí hạt nhân, động cơ chiến lược và tâm lý của nước đó còn mạnh hơn Iran ngày nay. Người Ai Cập mắc vào cuộc xung đột với nước Israel có vũ khí hạt nhân, dẫn đến bốn cuộc chiến tranh tàn hại nhất đối với họ trong 25 năm. Thêm vào đó, Ai Cập muốn trở thành "nước lãnh đạo thế giới Ả-rập", nhưng cuối cùng tự nguyện đình chỉ hoàn toàn chương trình hạt nhân vì nhà cầm quyền Cairo kết luận rằng, việc theo đuổi chương trình đó sẽ phá hoại những ưu tiên cao hơn.

Những năm đầu 1990, Belarus, Ukraine, và Kazakhstan từ bỏ kho vũ khí hạt nhân thừa hưởng của Liên Xô cũ. Mặc dầu nhiều nhà chiến lược phương Tây cho rằng họ làm như vậy là dại dột, nhưng cả ba nước đều nghĩ rằng cái lợi về an ninh do có vũ khí

hạt nhân không quan trọng bằng cái lợi về ngoại giao và kinh tế khi từ bỏ nó. Nên kinh tế mạnh và quan hệ tốt đẹp với các nước quan trọng hơn vũ khí hạt nhân nhiều. Trường hợp nước Libya cũng vậy. Mười năm bị Liên hợp quốc trừng phạt đã khiến ông Muammar Qadhafi tỉnh ngộ, thấy rằng chẳng lẽ cứ theo đuổi chương trình hạt nhân để nền kinh tế nước mình và quan hệ ngoại giao quốc tế bị tổn hại, thế là Chính phủ Libya từ bỏ chương trình đó tháng 12/2003. Như vậy cộng đồng quốc tế hoàn toàn có thể khuyên can các nước đừng tìm kiếm thứ vũ khí hủy diệt khủng khiếp đó.

Về tình hình nội bộ Iran, nhà cầm quyền nước này không thống nhất ý kiến về chương trình hạt nhân. Trong khi hầu hết các nhà lãnh đạo đều muốn có một năng lực hạt nhân, thì họ lại chia rẽ về mục đích của nó. Cựu Tổng thống Ali Akbar Hashemi Rafsanjani cảnh báo rằng: "Nếu có những cuộc xung đột trong và ngoài nước, vốn nước ngoài sẽ không đổ vào nước ta. Thật vậy, những vụ xung đột đó sẽ khiến vốn bay khỏi nước này". Trong một cuộc phỏng vấn năm 2002, Bộ trưởng Quốc phòng Iran là Ali Shamkhani tuyên bố rằng "sự tồn tại vũ khí hạt nhân sẽ biến nước ta thành mối nguy cơ đối với các nước khác, mối nguy cơ đó có thể bị lợi dụng một cách nguy hiểm để làm phương hại quan hệ của chúng ta với các nước trong khu vực". Những lời tuyên bố như thế chứng minh rằng, nhiều nhà lãnh đạo quan trọng của Iran không coi sở hữu vũ khí hạt nhân là ưu tiên cao nhất.

Dân chúng Iran cũng không hân nhiệt tình với chương trình hạt nhân. Trong cuộc bầu cử Tổng thống mùa Xuân năm 2005, cử tri bỏ phiếu cho ông Ahmadinejad không phải do ông quyết tâm tìm kiếm vũ khí hạt nhân,

mà vì ông hứa cải cách kinh tế và ngăn chặn nạn tham nhũng tràn lan. Năm 2003, Giáo chủ Ali Khomeini cùng những người liên minh với Giáo chủ nói rằng, họ sẵn lòng đồng ý đình chỉ chương trình hạt nhân để khỏi bị các đối tác thương mại châu Âu và Nhật Bản áp đặt lệnh trừng phạt kinh tế với Tehran.

Nhiều ví dụ cho thấy sự bất đồng sâu sắc trong giới lãnh đạo Iran về vấn đề hạt nhân. Trong khi Tổng thống Ahmadinejad và phe cứng rắn trong Bộ Ngoại giao cự tuyệt đề nghị của nước ngoài muốn giải quyết chương trình hạt nhân của Iran, thì những người cùng ý kiến với Giáo chủ Khomeini thông báo rằng họ sẵn lòng ngồi vào bàn thương lượng. Chính Ngoại trưởng Iran đã khước từ đề nghị của Nga năm 2005 cho phép Iran làm giàu *uranium* tại các cơ sở hạt nhân của Nga để cộng đồng quốc tế dễ kiểm soát, nhưng mấy ngày sau, Cố vấn An ninh Quốc gia là Ali Larijani, người thân cận của Giáo chủ Khomeini, lại chấp nhận đối thoại với Nga về đề nghị này, chắc là để Hội đồng Bảo an hoãn lệnh trừng phạt và để Nga kiên quyết ủng hộ lập trường của Tehran nhiều hơn.

Cũng nên nhớ là, nhà cầm quyền Iran nói rằng chương trình hạt nhân nước họ chỉ được tiến hành để đáp ứng nhu cầu năng lượng và để phát triển công nghệ cao. Chẳng biết lời khẳng định đó có được mọi người tin không, nhưng đáng chú ý ở chỗ nó miêu tả chương trình hạt nhân là cần thiết cho nền kinh tế Iran, chứ không phải vì an ninh. Những ví dụ nêu trên chứng tỏ giới lãnh đạo tin rằng, nếu nhân dân buộc phải lựa chọn giữa chương trình hạt nhân và nền kinh tế lành mạnh, chắc họ sẽ chọn kinh tế.

Thuyết phục Iran đình chỉ chương trình hạt nhân là điều rất khó, vì người nước này không dễ dàng từ bỏ kế hoạch, nhưng chẳng phải không thuyết phục được họ. Phần lớn nhân dân Iran và những nhà lãnh đạo quan trọng đều muốn có vũ khí hạt nhân, nhưng không coi đây là ưu tiên hàng đầu và cần thiết. Cách tính toán về hạt nhân của Iran khác cách của Bắc Triều Tiên. Đối với Bình Nhưỡng, vũ khí hạt nhân là ưu tiên cao nhất, nhà cầm quyền Bình Nhưỡng sẵn sàng chấp nhận những khó khăn mà ít quốc gia khác vui lòng gánh chịu để tiếp tục chương trình.

Nếu Iran cũng theo con đường của Bắc Triều Tiên, thì quả là không thể thuyết phục Tehran từ bỏ kế hoạch, nhưng bằng chứng cho thấy Tehran không sẵn sàng hy sinh nhiều như Bình Nhưỡng. Iran giống Libya nhiều hơn, khó thuyết phục nhưng chẳng phải không thể thuyết phục. Điều chủ yếu đối với phương Tây là buộc người Iran lựa chọn giữa vũ khí hạt nhân và sự phồn vinh kinh tế, cụ thể là áp đặt lệnh trừng phạt đa phương để vốn đầu tư giảm dần vào Iran, đặc biệt vào lĩnh vực dầu khí, nhằm đối phó với thái độ không khoan nhượng của nước này. Mặc dầu Iran bán được dầu với giá 60 USD một thùng, nhưng vẫn rất cần phương Tây đầu tư vốn, vì thu nhập của nước này về dầu khí bị tụt giảm những hút mất nhiều, tác động tới nền kinh tế nói chung.

Đồng thời, phương Tây (hoặc Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc) nên khích lệ Iran nhiều, như bãi bỏ trừng phạt kinh tế, kết nạp vào WTO, cung cấp lò phản ứng nước nhẹ, bảo đảm đầu tư, giúp Iran nắm được công nghệ làm giàu *uranium* nhưng không cung cấp thiết bị và nhiên liệu phế thải, bảo đảm an ninh cho Iran. Nhân dân và

giới lãnh đạo Iran sẽ đứng trước hai cách lựa chọn. Một là, họ duy trì chương trình hạt nhân và bị cộng đồng quốc tế ruồng bỏ. Hai là, họ từ bỏ vũ khí hạt nhân và hưởng mọi cái lợi của cộng đồng quốc tế.

Kinh nghiệm lịch sử cho biết phải mất 10 năm để Libya chịu thỏa hiệp, mặc dầu đòn trừng phạt nước đó tương đối nhẹ. Đừng ai có cảm tưởng sai lầm là, Iran sẽ chấp nhận cuộc mặc cả nếu không bị đe dọa trừng phạt nghiêm khắc. Suốt những năm 1990, các nước châu Âu đe dọa trừng phạt Iran, nhưng chưa bao giờ thực hiện sự trừng phạt đó. Bởi thế, hình như Iran không tin châu Âu muốn áp đặt lệnh trừng phạt. Đây là căn nguyên chiến lược hiện nay của Iran, họ tin chắc châu Âu sẽ chùn bước, và nếu sự trừng phạt được thi hành, thì cơn khủng hoảng sẽ qua đi. Họ vừa có thể trở lại chương trình hạt nhân, vừa được châu Âu đầu tư và hợp tác thương mại. Vì lẽ đó, người Iran sẽ chờ xem phương Tây có áp dụng lệnh trừng phạt nghiêm chỉnh không, và có muốn duy trì lệnh trừng phạt đó trong một thời gian đủ dài để Iran biết phương Tây kiên quyết hành động chứ chẳng nói chơi.

Trước thái độ của Iran và Bắc Triều Tiên, người ta đang chờ xem Hoa Kỳ sẽ phản ứng bằng cách nào.

### **Răn đe hay đánh phủ đầu**

Sau vụ khủng bố ngày 11/9/2001 ở Hoa Kỳ, nhiều nhà quan sát kết luận rằng các chiến lược chủ yếu được sử dụng trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, tức kiểm chế và răn đe, không còn thích hợp nữa. Trước xu hướng khủng bố liều chết, người ta băn khoăn không hiểu tìm cách nào ngăn cản được những kẻ sẵn sàng hy sinh thân mình để thực hiện cuộc tấn công.

Thậm chí trước khi xảy ra sự kiện 11/9, nhiều người đã tỏ ra nghi ngờ khả năng răn đe các quốc gia mà Tổng thống George W. Bush gọi là “trục ma quỷ”, để họ đừng sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD). Sau vụ 11/9, Chính phủ Mỹ chú trọng đến chiến lược đánh phủ đầu, tức là tấn công trước khi bị đối phương tấn công. Trái lại với đánh phủ đầu, chiến lược răn đe nhằm ngăn cản đối phương tấn công bằng cách đe dọa giáng trả thật mạnh, qua đó địch thủ không dám đánh trước.

Trong khi nhấn mạnh đánh phủ đầu, chiến lược răn đe vẫn được Chính phủ của Tổng thống Bush chú ý. Một số tài liệu, trong đó có Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2002, nói rõ răn đe là một trong các mục tiêu của chiến lược phòng thủ Hoa Kỳ. Đồng thời, nhà cầm quyền Mỹ cho biết họ không thể tin vào răn đe trong một số trường hợp. Ví dụ, quyết định tấn công Iraq căn cứ trên nỗi lo sợ Saddam Hussein có WMD và liên hệ với bọn khủng bố, vì thế tốt nhất là đối phó với nguy cơ trước khi Iraq có thể tấn công.

Hiện nay, những lý lẽ tương tự tập trung vào Iran và Bắc Triều Tiên, vì Tehran có vẻ đang phát triển vũ khí hạt nhân, và Bình Nhưỡng đã đưa chương trình vũ khí hạt nhân vào giai đoạn thí nghiệm. Do vậy, người Mỹ cho rằng đã tới lúc cân nhắc giữa răn đe và đánh phủ đầu để đối phó với nguy cơ từ hai nước này. Nhưng nói chung trong nhiều trường hợp, răn đe là một chiến lược tốt hơn đánh phủ đầu.

Có người nêu câu hỏi liệu có thể kết hợp hai chiến lược với nhau không. Chính phủ Mỹ tin rằng học thuyết đánh phủ đầu có thể khiến khả năng răn đe mạnh thêm. Quyết định lựa chọn đánh phủ đầu sẽ góp phần vào

hiệu quả của răn đe. Năm 2005, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ là Donald Rumsfeld nói rằng khả năng quân sự mà Hoa Kỳ biểu dương ở Iraq và Afghanistan "có tác dụng răn đe mọi người", tức là răn đe được cả một bên thứ ba. Tuy vậy, đánh phủ đầu không chắc răn đe được bên thứ ba, mà lại dễ có tác dụng ngược lại.

Vì đánh phủ đầu và răn đe là hai chiến lược không tương thích nhau ở một mức độ nào đó, nên cần tính toán xem chiến lược nào là cách lựa chọn tốt hơn để tránh một tình thế xấu nhất. Trước khi xảy ra xung đột ở Iraq, người phản đối chiến tranh lo ngại về chi phí tốn kém và hậu quả của đòn phủ đầu, còn người tán thành cuộc chiến nghĩ rằng răn đe có thể thất bại, dẫn đến cuộc tấn công khủng bố thứ hai như vụ 11/9.

Theo lời nhà báo Ron Suskin tháng 11/2001, Phó Tổng thống Mỹ là Dick Cheney, lúc nói về khả năng bọn khủng bố có thể kiếm được WMD, tuyên bố rằng thậm chí chỉ một phần trăm tin tức tình báo là đúng, Hoa Kỳ cũng coi tin tức đó là chắc chắn và phản ứng ngay. Cách nhìn đó cho thấy bị khủng bố bằng WMD là cơn ác mộng hãi hùng nhất, do đấy Hoa Kỳ phải hành động dù cho thành công rất ít. Cách suy nghĩ đó nghe có vẻ hợp lý nhưng kỳ thực là sai, và đôi khi đánh phủ đầu lại là sự lựa chọn không tốt. Các nhà phân tích cố gắng nghiên cứu những cách lựa chọn khác để giải quyết vấn đề, đánh giá cái nên và không nên của mỗi phương án, và so sánh các cách lựa chọn để tìm xem cách nào hứa hẹn kết quả tốt nhất.

Ngoài răn đe và đánh phủ đầu, người ta có thể áp dụng sự trừng phạt, dùng con đường ngoại giao, hay khích lệ phía bên kia cụ thể nếu họ chịu từ bỏ WMD. Ngay dù các

phương án khác không có hiệu quả thì, thì ta phải đánh giá hiệu quả của răn đe lẫn đánh phủ đầu, và so sánh năng thành công hay thất bại của mỗi cách lựa chọn đó, phải tính đến tác dụng của mỗi cách.

Chủ trương đánh phủ đầu thường xuất phát từ nhận thức về tính bất định của chiến lược răn đe. Cơ sở để để phản đối răn đe là khả năng chiến lược đó thất bại. Những nhà phân tích chủ trương răn đe nói rằng rủi ro ngày nay rất lớn, nhưng cơ hiện giờ khác với thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Các nhà độc tài ngày nay có thể đề ra quyết định phi lý, họ khác biệt văn hóa khiến một số người có những giá trị khác với Hoa Kỳ. Mức đe dọa răn đe chẳng có tác dụng với họ như người Mỹ mong muốn.

Nhưng tuy không thể chắc chắn thành công của răn đe, người ta cũng chẳng có cơ sở để kết luận rằng răn đe không đối phó được với các quốc gia tìm kiếm vũ khí hủy diệt hàng loạt. Hầu hết các nhà độc tài đều quan trọng sinh mệnh của chính họ, muốn tiếp tục cầm quyền, và muốn có một nhà nước để cai trị. Nói chung, những người đó sẽ không thực hiện những hành động dẫn họ đến cái chết, hoặc đất nước họ bị hủy hoại. Họ đủ thông minh để hiểu rằng tấn công một siêu cường bằng vũ khí hạt nhân sẽ đi tới một kết quả thảm khốc.

Ngay cả những người lãnh đạo cực đoan về tư tưởng hoặc tôn giáo, có thể liều lĩnh đưa cả nước đến chỗ tự sát, cũng quan tâm đến thành công của mục đích mình theo đuổi. Nếu những nhà lãnh đạo đó nghĩ rằng căn cứ hoạt động của mình sẽ bị trừ bỏ trước khi mình đạt mục đích cuối cùng, họ cũng không dám hành động thiếu suy nghĩ. Trong trường hợp trách nhiệm đối với đất nước được chia sẻ giữa



nhiều người, một nhà lãnh đạo cuồng tín cũng không thể khởi xướng một cuộc tấn công, vì những người khác trong ban lãnh đạo sẽ chống lại quyết định của kẻ đó. Nếu vũ khí được quân đội kiểm soát, các sĩ quan sẽ từ chối thi hành một mệnh lệnh có thể khiến đất nước mình bị hủy diệt.

Mặc dầu khó đánh giá chính xác các khả năng, nhưng bằng chứng lịch sử cho thấy răn đe có nhiều cơ hội thành công. Những năm 1950, nhiều nhà lãnh đạo phương Tây so sánh Tổng thống Ai Cập Gamal Abdel Nasser với trùm Quốc xã Đức là Adolf Hitler. Trong một cuộc xung đột ở Yemen những năm 1960, quân đội Ai Cập đã dùng vũ khí hóa học, nhưng Nasser và người kế nghiệp ông là Tổng thống Anwar Sadat không bao giờ sử dụng thứ vũ khí đó trong các cuộc chiến tranh với Israel, vì họ sợ Israel có thể trả đũa bằng vũ khí hạt nhân.

Saddam Hussein dùng vũ khí hóa học trong cuộc chiến tranh Iran-Iraq và trong vụ đàn áp người Kurd, nhưng lúc chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất xảy ra năm 1991, thông điệp răn đe của Mỹ và Israel đã khiến Saddam Hussein không dám sử dụng vũ khí hóa học và sinh học mà Iraq lúc đó vẫn có. Trong những năm ông ta còn cầm quyền, Hussein không bao giờ dùng WMD đánh một nước có thể giáng trả bằng vũ khí đó hoặc có thể lật đổ ông ta. Bắc Triều Tiên hay phô trương về tên lửa, nhưng chưa bao giờ tấn công nước nào bằng tên lửa.

Một quốc gia sử dụng WMD không thể mong thoát khỏi sự trả thù. Dù quốc gia đó lén lút trao WMD cho một tổ chức khủng bố chứ không trực tiếp sử dụng, thì cũng bị trừng phạt, vì vũ khí hiện nay có thể được truy nguyên đến nơi xuất xứ.

Nhưng giống như răn đe, chiến lược đánh phủ đầu có thể thất bại. Thật ra, cơ hội thành công của răn đe vẫn thấp hơn đánh phủ đầu. Một hình thức đánh phủ đầu là tấn công bằng không quân, có nhiều người suy đoán về khả năng Mỹ hay Israel không kích cơ sở hạt nhân của Iran, giống như máy bay Israel đánh phá lò phản ứng Osirak của Iraq năm 1981. Nhưng nếu Mỹ hay Israel không xác định được tất cả các địa điểm trong chương trình của Iran, thì không kích vẫn bỏ sót một số cơ sở nguyên vẹn.

Hơn nữa sau cuộc không kích, Iran có thể xây dựng lại, chưa kể cuộc không kích sẽ khơi dậy tinh thần dân tộc, sự ủng hộ chương trình hạt nhân có thể tăng thêm, Iran sẽ đẩy nhanh nỗ lực. Tấn công bằng không quân có thể tạm thời trì hoãn một chương trình, nhưng không chắc ngăn cản được sự phổ biến vũ khí hạt nhân.

Nếu tấn công bằng không quân chưa đủ, thì cách đánh phủ đầu khác là tiến vào lãnh thổ để lật đổ chế độ, nhưng Iran và Bắc Triều Tiên có khả năng trả đũa lớn hơn và có đông dân cư hơn Afghanistan và Iraq. Tiến vào hai nước đó sẽ vấp phải nguy cơ đánh trả cao hơn, và mất nhiều thời gian để thành công hơn cuộc chiến chống khủng bố tại Iraq và Afghanistan.

Ngoài ra, tình hình Afghanistan và Iraq không đáng phấn khởi lắm. Iraq tiếp tục mất ổn định, trong khi Taliban mưu toan quay lại Afghanistan. Ta không thể nói chắc rằng hai trường hợp đó được coi là thành công. Tóm lại, chẳng có gì bảo đảm đánh phủ đầu sẽ đạt kết quả, thậm chí có khả năng thất bại một phần, tổn kém và nhiều rủi ro. Rõ ràng nếu đánh vào một nước để thay đổi chế độ thì sẽ phải chịu nhiều thương vong, phải trả một giá đắt,

gây chết chóc cho dân thường, và phá hủy cơ sở hạ tầng của nước đó.

Một số hậu quả nữa cần chú ý khi muốn đánh phủ đầu. Tấn công một nước Hồi giáo sẽ khiến *al-Qaeda* reo rao là Hoa Kỳ chống đạo Hồi, giúp các phần tử cực đoan tuyển mộ thêm quân. Sử dụng chiến lược đánh phủ đầu một cách thiếu khôn ngoan có thể làm tăng khuynh hướng khủng bố. Chỉ cần nhấn mạnh khả năng đánh phủ đầu và lật đổ chế độ cũng đủ khuyến khích các nước khác tìm kiếm vũ khí hạt nhân răn đe của chính họ, hay tấn công Hoa Kỳ trước khi bị đòn phủ đầu của người Mỹ.

### Kết luận

Những người có thể tưởng tượng kẻ thù nước Mỹ tấn công chính nước Mỹ, bằng vũ khí hủy diệt hàng loạt, thường ủng hộ chiến lược đánh phủ đầu. Những người có thể hình dung một cuộc chiến tranh tốn kém, có thể biến thành một bãi lầy, nói chung đặt hy vọng vào răn đe. Chiến lược răn đe có thể thất bại không có nghĩa chủ trương đánh phủ đầu là tốt hơn. Thực ra, răn đe có thể ngăn cản một nước tấn công bằng WMD hoặc cung cấp WMD cho bọn khủng bố. Nếu răn đe thất bại, thì hậu quả cũng không

nghiêm trọng như ở thời kỳ Chiến tranh Lạnh.

Đánh phủ đầu cũng có thể thất bại, và dù chiến lược đó thành công nó cũng chịu nhiều phí tổn và hậu quả tiêu cực. Vì đánh phủ đầu những hạn chế đáng kể, nên có thể thấy răn đe là khôn ngoan, và sẵn sàng chấp nhận một rủi ro nhỏ đó nếu răn đe thất bại. Cũng cần hiểu rằng, răn đe và đánh phủ đầu phải là những cách lựa chọn nhất để ngăn chặn sự phổ biến hủy diệt hàng loạt. Còn có những cách khác để đối phó với nguy cơ, như biện pháp bảo vệ an ninh nước, tin tức tình báo, biện pháp ngoại giao, hoạt động cảnh sát, cung cụ tài chính và kinh tế, và nỗ lực thuyết phục mọi người rằng nghĩa khủng bố và WMD là điều sai trái về đạo lý, và trái với lời răn dạy của tất cả các tôn giáo. Tóm lại, đánh phủ đầu Iran và Bắc Triều Tiên không phải là cách lựa chọn tốt nhất để chống nguy cơ WMD ■

### Tài liệu tham khảo:

1. *Current History*, November 2006
2. *International Affairs* 2006
3. Nhiều bản tin của Thông tấn xã Việt Nam